

Số: 2491 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1822/TTr-STP ngày 21/12/2022 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính ban hành mới, 34 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch đã được công bố tại Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 và Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUKND tỉnh;
- Lưu VP1, VP11.



CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;

		nhưng không quá 10 ngày làm việc.		(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC.
--	--	-----------------------------------	--	---	---

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Không đúng hạn: 60.000 đồng/lần; (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND.
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	15 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> 1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;

						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND.
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc</p>	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<p>60.000 đồng/lần (bao gồm đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký khai tử không đúng hạn) (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND.
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	15 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<p>1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
5	Đăng ký khai sinh	- Căn cứ	15 ngày	Bộ phận	- Đăng ký khai sinh	- Luật Hôn nhân và gia đình năm

	kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	pháp lý. - Phí, lệ phí		Một cửa UBND cấp huyện	không đúng hạn: 60.000 đồng/lần; - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ; 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	60.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	60.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;

					tuổi).	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày làm việc đối với bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc. 	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	30.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
9	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	12 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;

	nước ngoài				tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
10	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	12 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	
11	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
12	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ	

					nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	
13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	
14	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	1.300.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;

					tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Không đúng hạn: 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
2	Đăng ký kết hôn	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	

3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	15.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;
4	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 10.000 đồng/lần - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
5	Đăng ký khai tử	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí 	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong	Bộ phận Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Không đúng hạn: 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo,	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;

			ngày làm việc tiếp theo.		người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
6	Đăng ký khai sinh lưu động	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc	Nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động.	Không	
7	Đăng ký kết hôn lưu động	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Không	
8	Đăng ký khai tử lưu động	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc	Nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	- Không đúng hạn: 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
9	Đăng ký giám hộ	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	03 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Bộ luật Dân sự 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;

10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	15.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 23 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;

13	Đăng ký lại khai sinh	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	5.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	5.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
15	Đăng ký lại kết hôn	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	20.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;
16	Đăng ký lại khai tử	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải	Bộ phận Một cửa UBND	5.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;

			quyết không quá 10 ngày làm việc.	cấp xã	đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	- Căn cứ pháp lý. - Phí, lệ phí	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 81/2022/NQ-HĐND;